

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 21 – 4 – 2025
Về việc Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thanh Trang

Ông Huỳnh Quốc Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1163/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 1276A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M sinh năm 1957.

Địa chỉ: A, M, H, T, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2024; bản tự khai đề ngày 06/8/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày như sau:

Vào năm 2009, qua lời giới thiệu của người chú nên bà và ông Nguyễn Văn M có tìm hiểu đến tháng 10/2010 thì vợ chồng bà có tổ chức đám cưới. Đến năm 2019, vợ chồng bà mới tiến hành đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 22/02/2019. Trong

quá trình chung sống, vợ chồng bà bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau. Bà đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng, mong hằn gắn tình cảm nhưng không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại được. Bà nhận thấy sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống ngày càng gay gắt, cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn của vợ chồng bà ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ gây thiệt hại cho cả hai bên nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bận công việc nên bà không thể tham gia tố tụng, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Nguyễn Văn M đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Văn M vắng mặt không lý do.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn M là ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T hiện ở Việt Nam; bị đơn ông Nguyễn Văn M có địa chỉ ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, yêu

cầu cung cấp bản khai và thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn M xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 22/02/2019. Quá trình chung sống, ông bà bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cự cãi nhau. Bà T đã nhiều lần cố gắng duy trì mối quan hệ vợ chồng, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà T nhận thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông M.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý cho ông Nguyễn Văn M. Kết quả ủy thác là đã tổng đạt trực tiếp cho ông M nhưng Tòa án không nhận được văn bản nêu ý kiến của ông về những vấn đề mà bà T yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ đó cho thấy ông M cũng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của bà T và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông M là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Văn M nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về con chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim T trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Văn M nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Văn M và cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[6] Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 200.000 đồng là chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn M.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Văn M nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về con chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim T trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Văn M nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Văn M và cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002955 ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002969 ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp xong.

4. Bà Nguyễn Thị Kim T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (2b);
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ (1b);
- Lưu hồ sơ (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Ngọt